TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Vuiphúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 3 - 2018
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Nam;

Bà Nguyễn Phước Như Ý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế *tham gia phiên toà:* Ông Trần Quang Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/01/2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/HNGĐ-ST ngày 07/01/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Bà* ***Nguyễn Thị V,*** sinh năm 1982;

Địa chỉ: xã Phú T, huyện Phú V, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. *Bị đơn: Ông* ***Lê Văn T*** (T VAN LE) sinh năm 1980;

Địa chỉ: Canada. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15/01/2018 của bà Nguyễn Thị V và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn T quen biết nhau và đi đến kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/3/2010.

Sau khi kết hôn, hai người chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 01 tháng tại nhà của bà V, sau đó ông T trở về lại Canada. Hai người vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Ông T có làm thủ tục bảo lãnh đoàn tụ vợ chồng cho bà V nhưng không được chấp nhận, từ đó cả hai người ít liên lạc. Đến nay, bà V thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ, nên bà V xin ly hôn với ông T để sớm ổn định cuộc sống.

Đối với ông Lê Văn T: Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã có công văn số 477/CV-TAND vào ngày 22/02/2018 và công văn số 1042/CV-TAND vào ngày 26/4/2018 yêu cầu ông T cung cấp lời khai. Đồng thời, Tòa án đã thực hiện thủ tục Ủy thác tư pháp để Ủy thác cho chính quyền địa phương nơi ông T cư trú tại Canada để tống đạt các văn bản này cho ông, tuy nhiên đến nay công văn không bị trả lại nhưng ông T vẫn không trả lời cho Tòa án. Thời gian chuẩn bị xét xử đã hết, nên Tòa án xác định ông T cố tình giấu địa chỉ và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông.

Về con chung, tài sản chung: Bà Nguyễn Thị V xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh có ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Tòa án chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vấn đề gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà V được ly hôn ông T. Về các mối quan hệ khác đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện được Uỷ ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/3/2010 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì ông T trở về Canada. Do điều kiện hai người ở xa nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, bà V không còn thương yêu ông T nữa. Trong quá trình xác minh và tại phiên tòa bà V vẫn xin được ly hôn với ông T.

[3] Đối với ông T đã cố tình giấu địa chỉ, không hợp tác với Tòa án. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần gửi công văn và Ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền nơi ông T cư trú để tống đạt văn bản cho ông, nhưng vẫn không nhận được trả lời. Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Lê Văn T để mỗi người được ổn định cuộc sống riêng của mình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có cơ sở.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị V xác định là không có và không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết. Nếu sau này ông T có yêu cầu thì có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Lê Văn T.

[2] Về con chung, tài sản: Bà Nguyễn Thị V xác định là không có và không yêu cầu, nên Toà án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng tại biên lai số 005336 ngày 25/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bà Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Lê Văn T là 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án, hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THA tỉnh TT- Huế;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân tỉnh TT Huế;
- Tòa Dân sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

La Minh Tường